

Bản án số: 30/2019/HN-ST
Ngày: 06 - 5 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vinh Long

Địa chỉ liên lạc: số nhà C, đường V, phường M, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H1, xã H2, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Nơi cư trú hiện nay: số nhà S, đường N, Khóm H, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông H và bà Nguyễn Thị Thu T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2011, quyển số 01/2011 ngày 12/9/2011, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã 05 năm, do bất đồng kinh tế, tình cảm. Ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, gượng ép không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn bà T.

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/10/2011. Khi ly hôn, ông H yêu cầu nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu bà T cấp dưỡng con chung. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Thu T: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bà T vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông H là người có quyền khởi kiện bà T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H, bà T. Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông H xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã 05 năm, do bất đồng kinh tế, tình cảm, cuộc sống chung gượng ép, không hạnh phúc; đã không còn tình cảm, yêu cầu ly hôn bà T. Bà T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của ông H, bà T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của ông H. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo ông H trình bày đã 05 năm nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T.

[3] Về con chung: Tòa án đã thu thập ý kiến cháu Nguyễn Đăng K thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng mẹ là bà T. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/5/2019, ông H thay đổi ý kiến, đồng ý giao bà T nuôi dưỡng cháu K, không tự nguyện cấp dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu K thực tế đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, nên chấp nhận sự tự nguyện ông H, giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không cung cấp ý kiến yêu cầu ông H cấp dưỡng con chung, nên không buộc ông H cấp dưỡng cháu K.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí: Ông H nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H.

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc ông Nguyễn Ngọc H giao bà Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/10/2011. Ông Nguyễn Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc H nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004288 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên ông Nguyễn Ngọc H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- UBND xã H, huyện C, Đồng Tháp: 1;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân

